wǒ
- me

我

zài
- at
- to exist

在

běn
- origin
- source
- this

本

dì
- earth; soil

地

de
- of

的

zhōng
- within
- among
- in

中
wén
- language
- culture
- writing

xué
- learn
- study
- science

xiào
- school
- proofread
- to check

zhōng
- within
- among
- in